

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST  
Ngày: 09-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Duy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1994 tại Hậu Giang; hộ khẩu thường trú: ấp S, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang; nơi sinh sống: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé S (đã chết) và bà Huỳnh Thị K; có vợ là Lê Thị Mỹ N; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 21-9-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

2. Vũ Văn H, sinh năm 2000 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị H1; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 cho đến ngày 08 tháng 01 năm 2021 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng từ ngày 29 tháng 3 năm 2021 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Y; địa chỉ: Lô CN, khu công nghiệp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị hại*: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29-3-2021), có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Văn Hồng Ng, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn S1, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi của các bị cáo:

Nguyễn Văn C và Vũ Văn H là bạn bè quen biết với nhau do trước đó có cùng làm chung Công ty Y. Vào khoảng 19 giờ ngày 29-12-2020, Nguyễn Văn C điện thoại rủ Vũ Văn H đi uống nước tại quán cà phê A thuộc khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tại đây, Nguyễn Văn C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ Vũ Văn H vào Công ty Y để trộm cắp đồng phế liệu bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. Khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô biển số 92H1-585.xx, C điều khiển xe mô tô biển số 61K1-171.xx đến khu vực vườn tràm cách Công ty Y khoảng 300 mét. Cả hai để xe mô tô ở bãi đất trống phía trong vườn tràm rồi đi bộ đến hàng rào của Công ty Y. C và H leo rào vào phía trong Công ty rồi đến khu vực kho để đồng phế liệu lên lút lấy 03 bao đồng phế liệu sau đó mang ra ngoài hàng rào và khiêng đến chỗ để xe của C và H. Khi lấy được 03 bao đồng phế liệu, C và H để lại 02 bao đồng phế liệu. C dùng xe mô tô biển số 92H1-585.xx chở 01 bao mang đi bán, để lại 02 bao đồng phế, H điều khiển xe mô tô biển số 61K1-171.xx cùng với C tìm chỗ bán. C và H đến tiệm phế liệu địa chỉ tại khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị T làm chủ. Tại đây, bà T cân bao đồng phế liệu mà C và H mang đến được 47,4 kg và mua với số tiền là 3.530.000 đồng, C và H đồng ý. Sau khi bán được bao đồng phế liệu, C và H tiếp tục quay lại lấy 02 bao đồng để đi bán thì bị quần chúng nhân dân phát hiện và báo Công an huyện Bàu Bàng. Qua cân kiểm tra 02 bao đồng còn lại của C và H đã trộm có khối

lượng 54 kg. Đối với hành vi mua tài sản trộm cắp mà có của Nguyễn Thị T, T không biết tài sản trên do trộm cắp mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 mô tô nhãn hiệu Janus biển số 92H1-585.xx; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Model TA-1203 của C; 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu đỏ đen số IMEI 865950049825334 của C; 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân, sổ tạm trú tên Nguyễn Văn C; 01 bản phô tô sổ hộ khẩu tên Vũ Văn T; 54 kg kim loại màu vàng (đồng phế liệu) đựng trong bao nhựa; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 61 KI-171.xx; 01 ba lô màu đỏ bên trong có chứa 3.530.000 đồng; 47,4 kg kim loại màu vàng (đồng phế liệu) đựng trong bao theo các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 29 và 30-12-2020.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã: trả lại 01 mô tô biển số 92H1-585.xx cho chủ sở hữu là bà Lê Thị Mỹ N do bà N cho C mượn xe để sử dụng, không biết C sử dụng xe mô tô trên làm công cụ phương tiện để phạm tội; trả lại 01 mô tô biển số 61K1-171.xx cho chủ sở hữu là bà Hoàng Thị H1 do bà H1 cho H mượn xe để sử dụng, không biết H sử dụng xe mô tô trên làm công cụ phương tiện để phạm tội; trả lại 101,4 kg đồng phế liệu cho Công ty Y theo các Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26-02-2021.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06-01-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 101,4 kg đồng phế liệu Hội đồng thống nhất định giá 7.605.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

- Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSBB ngày 28 tháng 3 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo cáo Nguyễn Văn C mức án: từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo cáo Vũ Văn H mức án: từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 16 (mười sáu) tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo C 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Model TA-1203; trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đỏ đen số IMEI 865950049825334 do đây không phải là vật chứng công cụ, phương tiện phạm tội. Đối với số tiền 3.530.000 đồng là tài sản hợp pháp của bà T cho nên đề nghị trả lại cho bà T theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Văn C nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Vũ Văn H nói lời sau cùng: bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H đã khai nhận: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 29-12-2020, tại Công ty Y thuộc Khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H đã có hành vi lén lút lấy trộm 03 bao kim loại đồng phế liệu, có khối lượng tổng cộng là 101,4 kg của bị hại Công ty Y, trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.605.000 đồng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. C quả là các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 101,4kg kim loại đồng phế liệu, trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.605.000 đồng. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nhưng lười lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo C là người chủ mưu, thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo H là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: bị cáo Nguyễn Văn C có nhân thân xấu, ngày 21-9-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bị cáo C đã được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Xét bị cáo Vũ Văn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo H hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Ngày 26-02-2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại trả lại 01 mô tô biển số 92H1-585.xx cho chủ sở hữu là bà Lê Thị Mỹ N, trả lại 01 mô tô biển số 61K1-171.xx cho chủ sở hữu là bà Hoàng Thị H1, trả lại 101,4 kg đồng phế liệu cho Công ty Y là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Model TA-1203 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đỏ đen số IMEI 865950049825334 không phải là vật chứng công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho các bị cáo C, H theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với số tiền 3.530.000 đồng là tài sản hợp pháp của bà T không phải là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội cho nên trả lại cho bà T theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và khoản 2 Điều 136, các khoản 1, 2 Điều 260, khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 46, Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 46, Điều 47, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động Nokia màu đen, Model TA-1203. Trả lại cho bị cáo Vũ Văn H 01 điện thoại di động hiệu Vi vo màu đỏ đen số IMEI 865950049825334. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.530.000 (ba triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 29-3-2021; Chứng từ giao dịch giấy nộp tiền số 250221.002.0304 ngày 25-02-2021).

4. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Dũng**